

UBND TỈNH THANH HÓA  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2699 /SYT-NVY

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 10 năm 2018

V/v hướng dẫn hồ sơ thẩm định các tiêu chí về y tế, an toàn thực phẩm bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền tại Hội nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong xây dựng Nông thôn mới ngày 04/10/2018;

Nhằm tăng cường phối hợp, hỗ trợ các địa phương đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả Chương trình xây dựng Nông thôn mới; Sở Y tế đề nghị các đơn vị xây dựng hồ sơ thẩm định các tiêu chí về y tế, an toàn thực phẩm bộ tiêu chí xây dựng Nông thôn mới thuộc phạm vi ngành y tế được phân công như sau:

1. Về tiêu chí 15.2 và 15.3.

Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 141/VPĐP-NV ngày 08/6/2017 của Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới tỉnh về việc Hướng dẫn đánh giá, thẩm tra, thẩm định mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí và hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020 (Gửi kèm yêu cầu hồ sơ tiêu chí 15.2 và 15.3).

2. Về tiêu chí 17.8.

- Hồ sơ thực hiện theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (Gửi kèm yêu cầu hồ sơ và biểu mẫu chi tiết).

- Trường hợp các xã đã được công nhận xã an toàn thực phẩm hoặc đã được cơ quan thẩm định cấp tỉnh thẩm định đạt các tiêu chí xã an toàn thực phẩm. Hồ sơ bao gồm bản phô tô công chứng giấy chứng nhận xã an toàn thực phẩm và biên bản thẩm định của cơ quan thẩm định cấp tỉnh; hoặc biên bản thẩm định đánh giá là đạt của cơ quan thẩm định cấp tỉnh (trong trường hợp đang chờ cấp giấy chứng nhận).

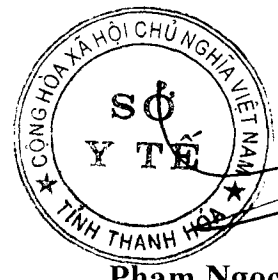
Sau khi đã hoàn chỉnh Hồ sơ, đề nghị các đơn vị gửi về Sở Y tế để tổ chức kiểm tra, thẩm định gửi kết quả cho Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng Nông thôn mới tỉnh tổng hợp.

Trên đây là hướng dẫn hồ sơ thẩm định các tiêu chí về y tế, an toàn thực phẩm bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đề nghị các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Ngọc Thơm**

**HƯỚNG DẪN HỒ SƠ TIÊU CHÍ 15.2 VÀ 15.3 XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
(Kèm theo công văn số 26/99 /SYT-NVY ngày 10/10/2018 của Sở Y tế)

**Nội dung 15.2 và 15.3 thuộc tiêu chí số 15 về Y tế**

**1. Yêu cầu tiêu chí:** Xã được công nhận đạt nội dung 15.2 và 15.3 khi đáp ứng yêu cầu:

(1) Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

(2) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt từ 26,7% trở xuống đối với các xã thuộc Vùng 1, từ 24,2% trở xuống đối với các xã thuộc Vùng 2.

**2. Hướng dẫn thực hiện**

**2.1. Đối với nội dung 15.2 về xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:** Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

**2.2. Đối với nội dung 15.3 về tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt mức quy định của vùng:**

a) Khái niệm: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là số trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp hơn chiều cao trung bình của trẻ cùng nhóm tuổi ( $\leq -2SD$ ) tính bình quân trên 100 trẻ cùng nhóm tuổi trong cùng thời điểm điều tra.

b) Công thức tính:

(Theo “Thông tư số 28/ 2014/TT-BYT ngày 14/8/2014 của Bộ Y tế về quy định nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Y tế”).

$$\text{Tỷ lệ \% SDD thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) của trẻ em < 5 tuổi} = \frac{\text{Tổng số trẻ em < 5 tuổi trong xã có chiều cao theo tuổi thấp hơn chiều cao trung bình } (\leq -2SD) \text{ của trẻ cùng nhóm tuổi trong cùng thời điểm điều tra}}{\text{Tổng số trẻ em cùng nhóm tuổi của xã được đo chiều cao trong cùng thời điểm điều tra}} \times 100$$

c) Phương pháp và căn cứ kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra, đánh giá tiêu chí dựa trên thông tin và số liệu của các văn bản, tài liệu chứng minh sau:

- Sổ theo dõi đẻ trong vòng 5 năm liên tiếp;

- Sổ theo dõi tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trong 5 năm liên tiếp;

- Danh sách cân đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi 6 tháng 1 lần trong 5 năm liên tiếp (Bảng VII, Sổ theo dõi chương trình mục tiêu phòng chống Suy dinh dưỡng trẻ em - Bộ Y tế);

- Báo cáo tổng hợp tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi của xã trong 5 năm liên tục có xác nhận của Trung tâm Y tế huyện (Mẫu số 1: Báo cáo tình hình SDD trẻ em, tài liệu Quy trình và kỹ thuật đánh giá suy dưỡng trẻ em ở tuyến xã và tuyến huyện – Bộ Y tế năm 2002).

### **3. Thành phần hồ sơ:**

#### **3.1. Tiêu chí 15.2 về xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:**

- Đối với xã đã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế trong khoảng thời gian 36 tháng: Công chứng giấy chứng nhận xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 của UBND tỉnh.

- Đối với xã đã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế trên 36 tháng: Công chứng giấy chứng nhận xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 của UBND tỉnh và biên bản, bảng chấm điểm phúc tra (theo quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020) của Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện, thị xã, thành phố (thời điểm cập nhật biên bản phúc tra yêu cầu không quá 12 tháng, tính đến thời điểm tổ chức đánh giá).

- Đối với các xã đã được Hội đồng thẩm định của tỉnh tổ chức thẩm định đạt, nhưng chưa được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận: Công chứng biên bản và bảng chấm điểm của Hội đồng thẩm định của tỉnh.

#### **3.2. Tiêu chí 15.3 về tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi:**

- Danh sách cân đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi gần nhất ( Bảng VII, Sổ theo dõi chương trình mục tiêu phòng chống Suy dinh dưỡng trẻ em - Bộ Y tế ).

- Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

- Báo cáo tổng hợp tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi của xã trong 5 năm liên tục có xác nhận của Trung tâm Y tế huyện, thị (Mẫu số 1: Báo cáo tình hình SDD trẻ em, tài liệu Quy trình và kỹ thuật đánh giá suy dưỡng trẻ em ở tuyến xã và tuyến huyện – Bộ Y tế năm 2002).

**HƯỚNG DẪN HỒ SƠ TIÊU CHÍ 17.8 XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
(Kèm theo công văn số 2699 /SYT-NVY ngày 10/10/2018 của Sở Y tế)

**Nội dung 17.8 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm**

**1. Yêu cầu tiêu chí:** Xã được công nhận đạt nội dung 17.8 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm khi đáp ứng yêu cầu:

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

**2. Hướng dẫn thực hiện:**

**2.1. Đối tượng áp dụng:**

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bao gồm:

a) Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, khai thác nông lâm thủy sản; nuôi trồng thủy sản; tàu cá; sản xuất, khai thác muối);

b) Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm;

c) Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm.

**2.2. Phạm vi áp dụng:**

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã nông thôn mới (trừ hộ gia đình, cơ sở sản xuất chỉ để tiêu dùng, không bán sản phẩm ra thị trường).

**2.3. Hướng dẫn thực hiện:**

TT	Đối tượng	Yêu cầu đạt	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu</b>		
1	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ.	Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn với cơ quan quản lý được UBND cấp tỉnh phân công, phân cấp (Quyết định số 3912/2016/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 về việc ban hành quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa)	Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu (không thuộc đối tượng nhỏ lẻ).	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Hộ gia đình, cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng ban đầu nhỏ lẻ.	Cơ sở phải tự xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ về điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở ít nhất 1 lần/năm và được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.	Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế
<b>II</b>	<b>Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm (*)</b>		

1	Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
		Có kết quả kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT đạt loại A hoặc B và còn hiệu lực (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).	
2	Hộ gia đình, cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.	Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế
3	Hộ gia đình, cơ sở chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.	Thông tư 58/2014/TT-BCT 22/12/2014 của Bộ Công thương; Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công thương; Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.
		Giấy cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với cơ quan thẩm quyền tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quy định và phân cấp quản lý (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).	
<b>III Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm (*)</b>			
1	Chợ đầu mối, đầu giá nông sản.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.	Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 3/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
		Có kết quả kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT đạt loại A hoặc B và còn hiệu lực (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh	

		doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật).	
3	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (trừ các cơ sở nêu tại mục III.4, III.5).	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực.	Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế.
4	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ không có yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt; bán hàng rong; kinh doanh bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế).	Cơ sở phải tự xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát nội bộ về điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở ít nhất 1 lần/năm và được Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.	Thông tư 26/2012/TT-BYT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế.
5	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố	Thông tư 30/2012/TT-BYT ngày 5/12/2012 của Bộ Y tế. Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014
6	Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và còn hiệu lực Giấy cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm với cơ quan thẩm quyền tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quy định và phân cấp quản lý (đối với cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật)	Thông tư 58/2014/TT-BCT 22/12/2014 của Bộ Công thương.

(\*) Sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của từng Bộ được quy định tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

#### **2.4. Phương pháp và căn cứ kiểm tra, đánh giá:**

Kiểm tra, đánh giá dựa trên thông tin, số liệu của các tài liệu chứng minh sau:

a) Danh sách thống kê các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (tên hộ gia đình và cơ sở, địa chỉ hộ gia đình và cơ sở theo từng loại hình sản xuất, kinh doanh).

Thời điểm cập nhật danh sách yêu cầu không quá 06 tháng tính đến thời điểm tổ chức đánh giá.

b) Thông tin việc tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của các hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tương ứng với từng loại hình cơ sở, cụ thể:

- Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (với đối tượng phải cấp).

- Ngày làm Bản ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm của hộ gia đình và cơ sở.

- Ngày kiểm tra, cơ quan kiểm tra, kết quả thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm điều kiện bảo đảm ATTP của cơ quan chức năng.

#### **3. Thành phần hồ sơ**

- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn xã có xác nhận của UBND huyện/thị/thành phố (theo mẫu số 01);

- Danh sách thống kê các hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn có xác nhận UBND xã, đối với mỗi loại hình sản xuất, kinh doanh lập một danh sách riêng (theo mẫu số 02).

#### **4. Các mẫu biểu:**

- Mẫu số 01. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm trên địa bàn xã

- Mẫu số 02. Danh sách thống kê các hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.



Mẫu số 01:

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO**  
**Thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện tiêu chí ATTP**  
**của xã ..... năm .....**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);  
Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);  
Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt tiêu chí ATTP trên địa bàn xã của Đoàn thẩm tra, UBND huyện ..... báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện tiêu chí ATTP của xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

1. Về hồ sơ:
2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm:
  - 2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành:
    - Các văn bản chỉ đạo liên quan đã ban hành;
    - Quyết định thành lập Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên;
    - Quyết định thành lập Ban Nông nghiệp/Ban kinh tế, phân công nhiệm vụ cho các thành viên;
  - 2.2. Công tác thực hiện tiêu chí an toàn thực phẩm
    - a) Danh sách theo dõi các hộ gia đình, cơ sở thực phẩm trên địa bàn của theo từng loại hình (có mẫu danh sách thống kê kèm theo)
    - b) Tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở theo từng loại hình:.....
    - c) Tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc diện phải cấp theo từng loại hình:.....
    - d) Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các qui định an toàn thực phẩm:.....
    - e) Công tác báo cáo định kỳ hoặc đột xuất đúng theo quy định
  - 2.3. Đánh giá chung, những mặt được, những tồn tại hạn chế.

**II. KẾT LUẬN**

1. Về hồ sơ:.....
  2. Về kết quả thực hiện tiêu chí an toàn thực phẩm:.....
- Đã được UBND huyện ..... thẩm tra đạt tiêu chí về ATTP tính đến thời điểm thẩm tra đạt .....%.

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT..... /.**

Nơi nhận:

- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND HUYỆN .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

**DANH SÁCH THỐNG KÊ  
CÁC HỘ GIA ĐÌNH VÀ CƠ SỞ.....TRÊN ĐỊA BÀN**

....., THÁNG.... NĂM 20.....

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số điện thoại	Cấp quản lý	Đăng ký kinh doanh		Ngày cấp GCN cơ sở ĐDK	Ngày ký Bản cam kết	Ngày kiểm tra, giám sát, thông tin kết quả kiểm tra
					Thuộc diện không phải cấp	Thuộc diện cấp			
1									
2									
3									
4									

**Tổng hợp:**

- Tổng số hộ gia đình, cơ sở:.....
- Tổng số hộ gia đình, cơ sở cấp giấy đủ điều kiện:....
- Tổng số hộ gia đình, cơ sở ký bản cam kết:.....
- Tổng số hộ gia đình kiểm tra, giám sát:.....
- Tổng số cơ sở hộ gia và cơ sở không tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:.....:

## Hướng dẫn lập danh sách

### 1. Mỗi loại hình yêu cầu ghi riêng 01 danh sách gồm có các loại hình sau:

Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu;

Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm;

Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm.

#### **Trong đó:**

##### ***(1) Hộ gia đình, cơ sở sản xuất ban đầu, bao gồm:***

- Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ;
- Hộ gia đình, cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu (không thuộc đối tượng nhỏ lẻ);
- Hộ gia đình, cơ sở sản xuất thực phẩm chức năng ban đầu nhỏ lẻ;

##### ***(2) Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm, bao gồm:***

- Hộ gia đình, cơ sở thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Hộ gia đình, cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;
- Hộ gia đình, cơ sở chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.

##### ***(3) Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm, bao gồm:***

- Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (trừ các cơ sở Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ không có yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt; bán hàng rong; kinh doanh bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt; Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố thuộc quản lý của Bộ Y tế);
- Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ không có yêu cầu bảo quản sản phẩm đặc biệt; bán hàng rong; kinh doanh bao gói sẵn không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế);
- Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và kinh doanh thức ăn đường phố;
- Hộ gia đình, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.

### 2. Cấp quản lý: Cấp tỉnh ghi số 1; cấp huyện ghi số 2; cấp xã ghi số 3.